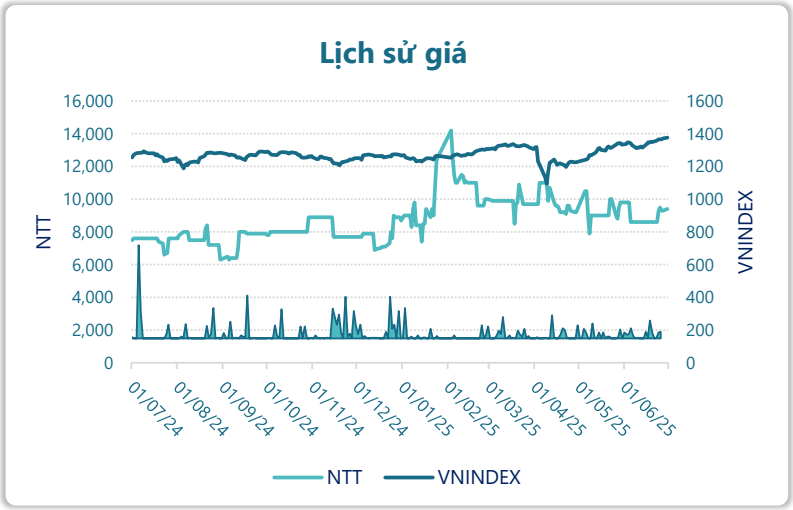
CTCP Dệt - May Nha Trang (UPCOM: NTT)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
SL cổ phiếu LH	23,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,160
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	221
P/E	6.2
EPS	1,524

DT thuần

Q2/25

418

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.0| 5.2%

YoY: ▲ 114| 37.4%

LN sau thuế

Q2/25

11.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.40| -36.7%

YoY: ▼6.40| -36.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.7%

+/- YoY: ▼ 2.2%

DT thuần

6T 2025

814

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 252| 44.8%

LN sau thuế

6T 2025

28.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.10| 12.1%

ROE

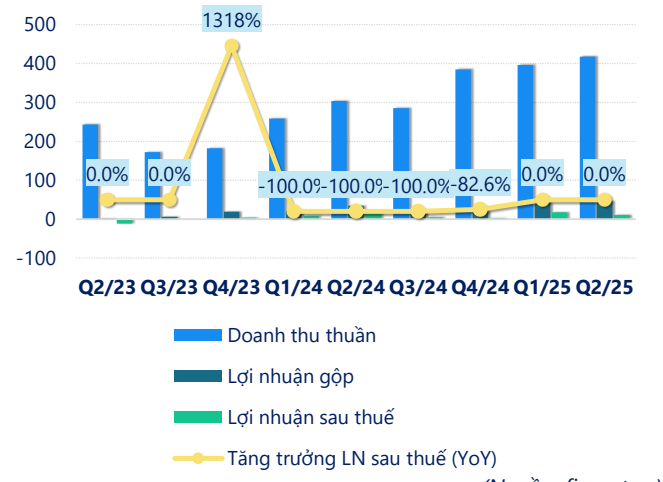
Q2/25

17.9%

+/- YoY: ▲ 0.5%

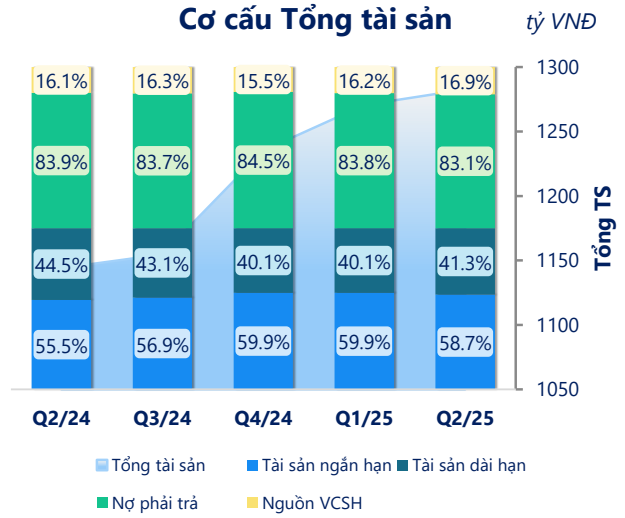
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



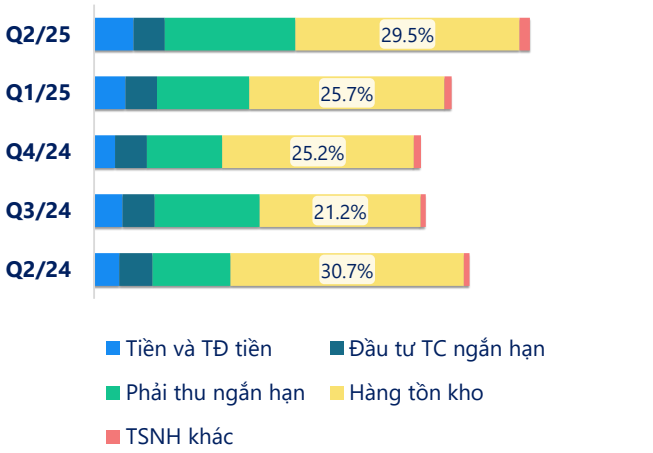
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



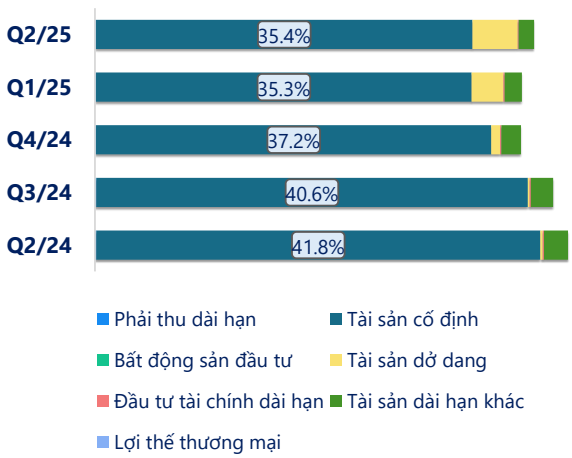
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



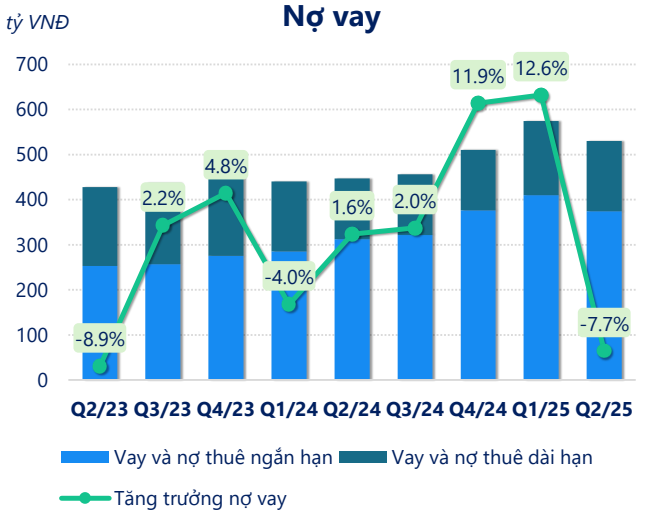
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



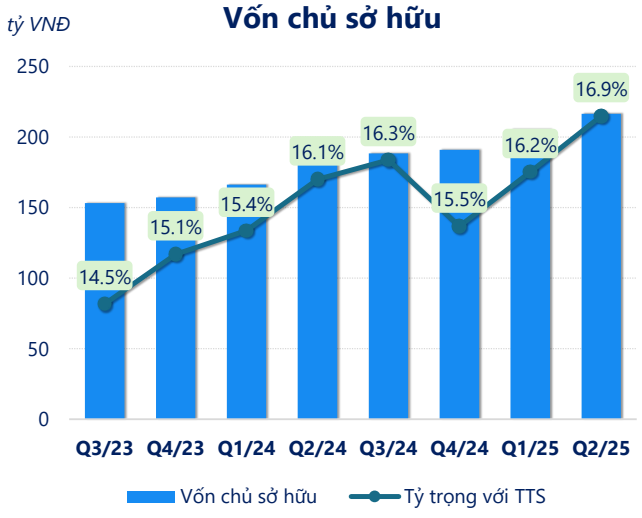
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



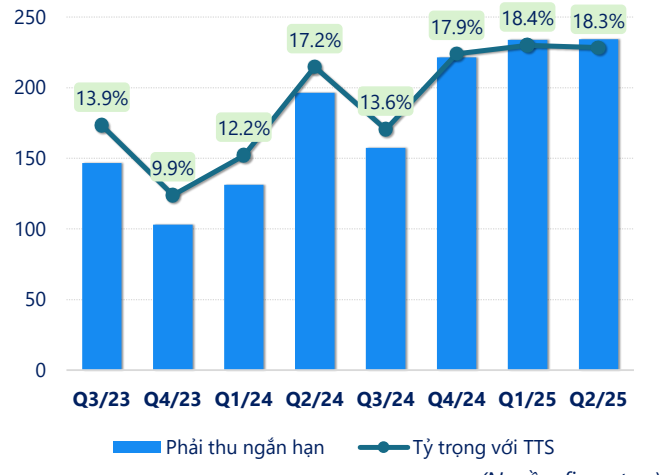
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



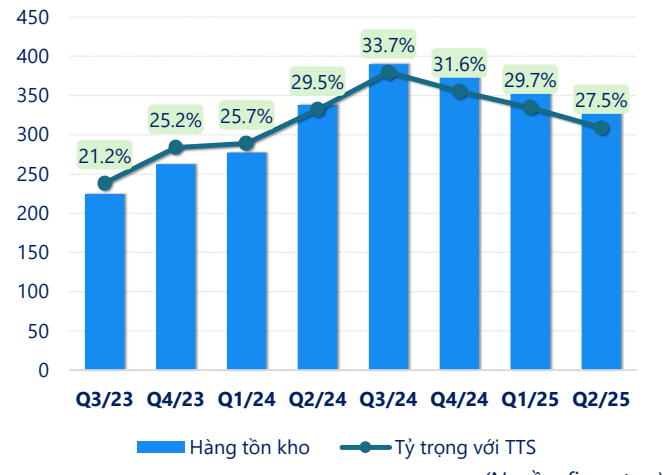
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



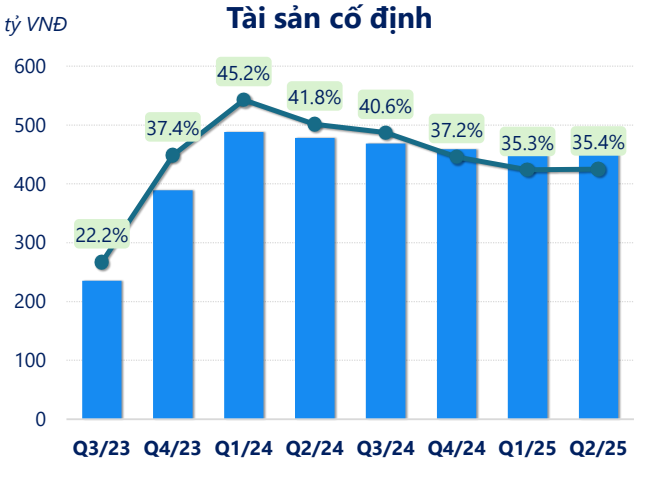
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



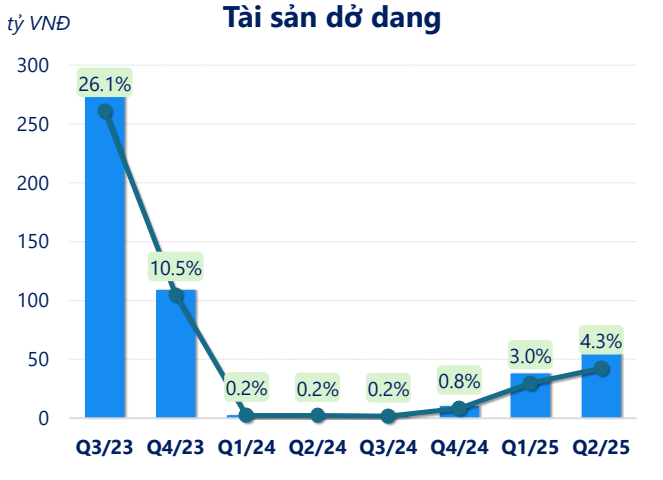
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



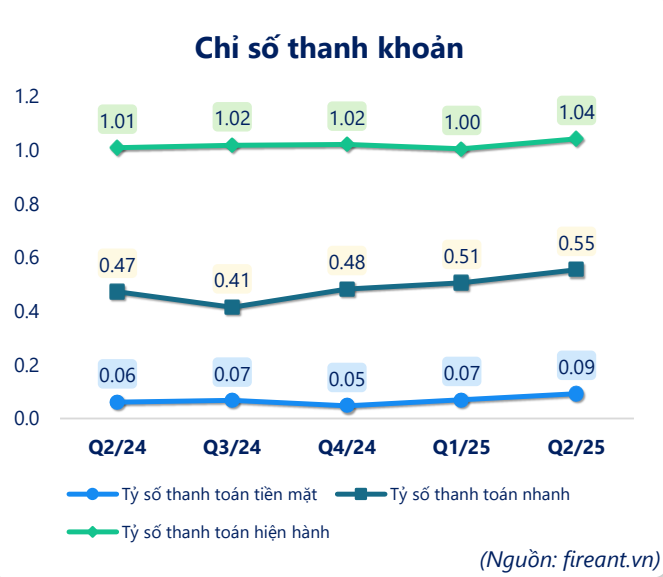
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



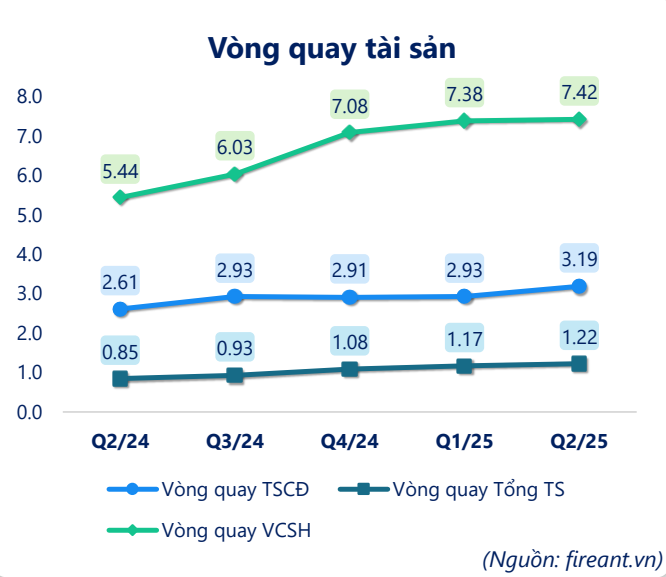
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,144**	**1,155**	**1,235**	**1,271**	**1,283**
Tài sản ngắn hạn	**635**	**657**	**740**	**761**	**753**
Tiền và tương đương tiền	38.1	43.3	34.2	52.7	66.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.1	48.1	67.6	62.3	57.3
Phải thu ngắn hạn	196	157	221	234	234
Hàng tồn kho	338	390	390	378	353
Tài sản ngắn hạn khác	15.7	18.6	27.0	33.9	42.3
Tài sản dài hạn	**509**	**498**	**495**	**510**	**529**
Phải thu dài hạn	1.36	1.36	1.36	1.36	1.36
Tài sản cố định	478	469	459	449	454
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.60	2.09	10.4	38.0	54.6
Đầu tư tài chính dài hạn	1.22	1.22	1.22	1.22	1.22
Tài sản dài hạn khác	26.0	24.4	23.1	20.8	18.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**960**	**966**	**1,044**	**1,065**	**1,066**
Nợ ngắn hạn	**629**	**645**	**725**	**757**	**723**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	312	321	376	410	374
Phải trả người bán ngắn hạn	253	253	293	306	280
Nợ dài hạn	331	321	319	309	344
Vay và nợ thuê dài hạn	135	135	134	164	156
Nguồn vốn chủ sở hữu	**184**	**188**	**191**	**205**	**216**
Vốn chủ sở hữu	**184**	**188**	**191**	**205**	**216**
Vốn điều lệ	235	235	235	235	235
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)